

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05 – 8 – 2021
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thành Chung;
2. Ông Huỳnh Thanh Phong.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Chau San - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 190/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 358/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 394/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 698/2021/TB-TA ngày 12 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 11, ấp VP, xã VL, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành M, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 15, ấp VP, xã VL, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà Phạm Thị C vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Thành M vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của bà Phạm Thị C; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông M tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VL, huyện AP, tỉnh An Giang

(theo bản sao Trích lục kết hôn số 613/TLKH-BS ngày 17/5/2021).

Quá trình chung sống, bà C và ông M chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là ông M thường xuyên có lời lẽ xúc phạm bà C và gia đình, có hành vi bạo lực gia đình với bà C. Bà C và ông M đã sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà C yêu cầu được ly hôn với ông M.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà C và ông M sinh được 02 (hai) con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 04/3/2005 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 05/3/2013. Hiện tại, cháu Y và cháu P đang sống với bà C. Bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông Nguyễn Thành M để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 11/6/2021 nhưng ông M vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông M, ông M cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án.

Ngày 11/6/2021, bà C có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án, yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử do bận công việc làm ăn, tình hình dịch bệnh COVID – 19 diễn biến phức tạp.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Các tài liệu, chứng cứ do bà Phạm Thị C giao nộp: Bản sao Trích lục kết hôn số 613/TLKH-BS ngày 17/05/2021 của Ủy ban nhân dân xã VL; bản sao Trích lục khai sinh mang tên Nguyễn Gia P, sinh ngày 05/3/2013 và Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 04/3/2005; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang tên chủ hộ Nguyễn Thành M; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thị C; bản chính Đơn yêu cầu ngày 11/6/2021.

Các tài liệu, chứng cứ do ông Nguyễn Thành M giao nộp: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai người làm chứng Đào Thị N ngày 10/6/2021.

Tại phiên tòa, do bà C và ông M cùng vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời trình bày của bà C, biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Đào Thị N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 10/6/2021, bà Đào Thị N trình bày: Bà N là mẹ ruột của ông Nguyễn Thành M.

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà C và ông M do tự tìm hiểu yêu thương và tiến đến hôn nhân vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VL, huyện AP, tỉnh An Giang (theo bản sao Trích lục kết hôn số 613/TLKH-BS ngày 17/5/2021).

Quá trình chung sống, thời gian đầu bà C và ông M sinh sống cùng với bà N. Về sau cả hai sống riêng nhưng vẫn sinh sống gần nhà N. Quá trình chung sống thì cả

hai chung sống với nhau không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà C không có nghề nghiệp, chỉ ở nhà nội trợ nên nảy sinh cờ bạc, nợ nần. Bà N và ông M nhiều lần khuyên can nhưng không thay đổi. Do bà C không thay đổi nên ông M nóng nảy đánh bà C. Từ đó, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và cả hai đã sống ly thân nhau từ lâu.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà C và ông M sinh được 02 (hai) con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 04/3/2005 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 05/3/2013. Hiện tại, cháu Y và cháu P đang sống với bà C.

Về tài sản chung, nợ chung: Không rõ.

Bà N có nhận thay ông M các văn bản tố tụng của Tòa án và có thông báo cho ông Minh biết. Hiện nay ông M đang đi làm ở Hưng Yên, do dịch bệnh nên không thể đến Tòa án tham gia hòa giải. Ông M có yêu cầu bà N xuống cung cấp lời trình bày cho Tòa án. Đối với các văn bản tố tụng của Tòa án, bà N sẽ nhận thay ông M và cam kết thông báo lại cho ông M. Bà N yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử do nhà xa, sức khỏe yếu.

- Theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 11/6/2021, cháu Nguyễn Ngọc Như Y và cháu Nguyễn Gia P cùng thể hiện nguyện vọng được tiếp tục chung sống với bà Phạm Thị C.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông Nguyễn Thành M vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do; bà Phạm Thị C có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt; người làm chứng bà Đào Thị N đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 207, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của bà Phạm Thị C, bà Đào Thị N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà C và ông M đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C. Về con chung, chấp nhận yêu cầu của bà C về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi dạy 02 (hai) con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 04/3/2005 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 05/3/2013, ghi nhận sự tự nguyện của bà C về việc không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, bà C không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn ông Nguyễn Thành M đều vắng mặt không lý do; đồng thời, ông M đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông M đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn bà Phạm Thị C có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt; người làm chứng bà Đào Thị N có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Hôn nhân giữa bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thành M hình thành do tự tìm hiểu, tiến đến hôn nhân vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VL, huyện AP, tỉnh An Giang (theo bản sao Trích lục kết hôn số 613/TLKH-BS ngày 17/5/2021). Ông M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Ấp VP, xã VL, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị C và bà Đào Thị N cùng cho rằng, bà C và ông M chung sống với nhau không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông M có hành vi bạo lực gia đình đối với bà C dẫn đến việc bà C và ông M đã sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm.

Nam nữ khi tiến đến hôn nhân đều hướng đến mục đích là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững nhưng giữa bà C và ông M lại tồn tại những mâu thuẫn không thể hàn gắn dẫn đến đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Việc ông M có hành vi bạo lực gia đình đối với bà C và cả hai đã sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm đã cho thấy sự vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Từ những phân tích nêu trên, có thể nhận thấy mâu thuẫn giữa bà C và ông M đã thật sự trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C.

[3.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thành M sinh được 02 (hai) con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 04/3/2005 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 05/3/2013. Hiện tại, cháu Y và cháu P đang sống với bà C. Bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi xem xét điều kiện nuôi con của bà C, xem xét nguyện vọng của cháu Nguyễn Ngọc Như Y và Nguyễn Gia P. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định để bà C được trực tiếp nuôi dạy con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã giải thích cho bà C về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với người không trực tiếp nuôi con chung, cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con chung, nhưng bà C vẫn giữ nguyên ý kiến của mình. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định công nhận sự tự nguyện của bà C trong việc không yêu cầu ông M cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông Nguyễn Thành M cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Phạm Thị C. Ngược lại, bà Phạm Thị C cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Thành M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị C không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên, nếu sau này ông Nguyễn Thành M có yêu cầu về tài sản chung, nợ chung thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà Phạm Thị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông Nguyễn Thành M không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thành M có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Thành M.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị C được trực tiếp nuôi dạy 02 (hai) con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 04/3/2005 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 05/3/2013. Ông Nguyễn Thành M không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Ông Nguyễn Thành M cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Phạm Thị C. Ngược lại, bà Phạm Thị C cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Thành M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà Phạm Thị C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà Cúc đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0006401 ngày 26/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Thành M không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thành M. Bà C và ông M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 08/5/2007 (theo bản sao Trích lục kết hôn số 613/TLKH-BS ngày 17/5/2021) của Ủy ban nhân dân xã VL, huyện AP, tỉnh An Giang cấp cho bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thành M không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện AP (1);
- UBND xã V L (1);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Tuấn